

Số: **07** /BC-ĐHV

Nghệ An, ngày **25** tháng 2 năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả triển khai công tác lấy ý kiến người học
Học kỳ 1, năm học 2020 - 2021

Căn cứ Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức và các hoạt động của Nhà trường;

Căn cứ kết quả đợt khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kỳ 1, năm học 2020 - 2021, Nhà trường báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

I. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Ban hành các văn bản triển khai thực hiện

- Kế hoạch số 70/KH-ĐHV ngày 06/11/2020 về việc triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học, phụ huynh học sinh và các bên liên quan, năm học 2020 - 2021;

- Công văn số 1178/ĐHV-CTCTHSSV ngày 23/11/2020 về việc góp ý phiếu lấy ý kiến khảo sát người học và các bên liên quan năm học 2020 - 2021;

- Quyết định số 3541/KH-ĐHV ngày 08/12/2020 về việc thành lập Ban chỉ đạo, Tổ thư kí thực hiện kế hoạch lấy ý kiến người học, phụ huynh học sinh và các bên liên quan năm học 2020 - 2021;

- Thông báo số 173/TB-ĐHV ngày 23/12/2020 về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy, các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính, học kì 1 năm học 2020 - 2021.

2. Đối tượng lấy ý kiến

Sinh viên hệ chính quy từ khóa 57 đến khóa 61 hiện đang học tập trung tại Trường.

3. Nội dung lấy ý kiến

- Lấy ý kiến từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (Phiếu số 1).

- Lấy ý kiến từ người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính (Phiếu số 2).

4. Hình thức lấy ý kiến

Người học thực hiện khảo sát trực tuyến trong trang cá nhân trên phần mềm quản lý của Nhà trường.

5. Phương pháp đánh giá

5.1. Người học đánh giá theo mức độ đối với từng tiêu chí trong phiếu lấy ý kiến.

5.2. Mức độ đánh giá

- Mức độ Tốt: Tiêu chí đáp ứng người học từ 80% trở lên.

- Mức độ Khá: Tiêu chí đáp ứng người học từ 65% đến 79%.

- Mức độ Trung bình: Tiêu chí đáp ứng người học từ 50% đến 64%.

- Chưa đạt: Tiêu chí đáp ứng người học dưới 50%.

6. Thời gian thực hiện

Từ ngày 25/12/2020 đến 23h30' ngày 10/01/2021.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Bảng thống kê kết quả khảo sát lấy ý kiến từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ 1, năm học 2020 - 2021 (*Thống kê theo đơn vị*) (*Xem phụ lục 1*).

- Bảng tổng hợp ý kiến, nhận xét phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của 367 giảng viên học kỳ 1, năm học 2020 - 2021 (*Thống kê theo từng cá nhân*).

2. Bảng thống kê kết quả khảo sát lấy ý kiến từ người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kỳ 1, năm học 2020 - 2021 (*Xem phụ lục 2*).

3. Bảng tổng hợp các ý kiến góp ý của người học đến các đơn vị liên quan (*Xem phụ lục 3*).

(*Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp, ý kiến góp ý của người học lưu ở Phòng CTCT-HSSV*).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Việc triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; hoạt động của các đơn vị hành chính và hoạt động của Nhà trường theo chủ trương chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo là cần thiết trong việc đổi mới quản lý giáo dục, đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, chất lượng phục vụ, khẳng định chất lượng dạy và học, phục vụ công tác kiểm định chất lượng giáo dục của Nhà trường.

2. Công tác lấy ý kiến người học được sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ban Giám hiệu Nhà trường, sự phối hợp của các đơn vị liên quan, các viện, khoa đào tạo, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Trợ lý quản lý học sinh, sinh viên, học viên và Lớp trưởng các lớp học sinh, sinh viên toàn trường nên đợt lấy ý kiến người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên; hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường học kỳ 1, năm học 2020 - 2021 đã đạt được mục đích, yêu cầu và kế hoạch đề ra.

3. Việc triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, vai trò, trách nhiệm của giảng viên đối với người học, trách nhiệm của người học đối với giảng viên. Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học đã phản ánh được hoạt động giảng dạy của giảng viên về những mặt đã làm được và cả những mặt còn tồn tại.

4. Nhìn chung kết quả lấy ý kiến người học ở học kỳ này so với học kỳ 2, năm học 2019 - 2020 thì chỉ số đánh giá của người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính đều có tỷ lệ % mức độ "Tốt" cao hơn; Các ý kiến góp ý riêng cho các đơn vị hành chính ít hơn so với học kỳ 2, năm học 2019 - 2020.

5. Phòng CTCT-HSSV đã tích cực chủ động xây dựng kế hoạch, làm tốt công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc. Kết quả khảo sát có độ tin cậy, các báo cáo, thống kê đã cung cấp cho giảng viên, các viện, khoa, tổ bộ môn, Trưởng các đơn vị liên quan và Nhà trường có thêm thông tin để điều chỉnh hoạt động giảng dạy và hoạt động quản lý.

V. MỘT SỐ TỒN TẠI

1. Một số sinh viên chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình trong việc thực hiện lấy ý kiến người học, nên có tư tưởng đối phó khi góp ý kiến, chưa thực hiện đúng quy trình, mục đích, yêu cầu, nội dung của Nhà trường; các ý kiến góp ý còn chưa thực sự mang tính xây dựng, hiến kế để giúp Nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ hơn nữa.

2. Học kì 1, năm học 2020 - 2021, mặc dù đã triển khai lấy ý kiến sinh viên khoá 61 trên phần mềm quản lý mới của Nhà trường, tuy nhiên phần mềm quản lý mới chưa thiết lập được yêu cầu ràng buộc nên tỉ lệ sinh viên khoá 61 thực hiện khảo sát chưa cao; công tác thống kê tổng hợp còn gặp một số khó khăn nhất định.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các tổ chức đoàn thể trong Trường, các khoa, viện đào tạo, các Trường trực thuộc chỉ đạo tuyên truyền, nhắc nhở, quán triệt đến người học và phụ huynh học sinh để việc khảo sát lấy ý kiến hàng năm đạt kết quả tốt..

2. Bộ phận xây dựng phần mềm sớm hoàn toàn thiện chức năng thực hiện khảo sát lấy ý kiến trực tuyến cho tất cả các đối tượng người học và phụ huynh học sinh để việc khảo sát lấy ý kiến được thuận lợi và dễ dàng trong thống kê, báo cáo, đáp ứng các tiêu chí của Nhà trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu.

VII. KẾT LUẬN

1. Về việc cung cấp thông tin và xử lý kết quả lấy ý kiến từ người học:

a) Nhà trường gửi: (1) Thống kê kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy của giảng viên; (2) Bảng tổng hợp ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ 1, năm học 2020 - 2021 được người học đánh giá ở các mức độ: Tốt, Khá, Trung bình, Chưa đạt (*sắp xếp theo thứ tự giảng viên có số lượt phiếu và có số lượt câu hỏi trả lời từ cao đến thấp*); (3) Bảng tổng hợp các ý kiến góp ý của người học đến các đơn vị liên quan cho Trường đơn vị, Viện trưởng, Trưởng khoa thông qua địa chỉ email. Viện trưởng, Trưởng khoa chịu trách nhiệm gửi kết quả cho Trưởng Bộ môn để gửi cho các giảng viên của bộ môn.

b) Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến của người học, giảng viên toàn trường xem xét để điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình. Đối với các giảng viên có chỉ số đánh giá thấp, Viện trưởng, Trưởng khoa chỉ đạo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch dự giờ trong học kì tới để các giảng viên trong bộ môn đánh giá, rút kinh nghiệm giúp giảng viên cải tiến chất lượng giảng dạy.

c) Nhà trường yêu cầu Trường các đơn vị hành chính có chỉ số sinh viên hài lòng thấp phải rà soát lại công tác điều hành, quản lý, rà soát lại đội ngũ cán bộ, viên chức và điều chỉnh phân công nhiệm vụ cho phù hợp; tiếp thu và sớm giải quyết các ý kiến đề xuất chính đáng của người học (do phòng CTCT-HSSV cung cấp); chấm dứt tình trạng đề người học phản ánh về tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ, viên chức.

d) Nhà trường đề nghị giảng viên, cán bộ viên chức tiếp tục góp ý kiến cho hoạt động lấy ý kiến người học, phụ huynh học sinh và các bên liên quan. Các ý kiến góp ý gửi Nhà Trường (*qua ông Hoàng Ngọc Diệp, Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV, email: hndiep2009@gmail.com*).

2. Học kì 2, năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy của giảng viên, giáo viên ở tất cả các bậc học. Thời điểm lấy ý kiến người học dự kiến được tổ chức trước khi kết thúc học phần 2 tuần của mỗi học kỳ.

3. Đề nghị các đơn vị, các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tiếp tục tổ chức quán triệt và tăng cường công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của việc lấy ý kiến người học trong cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên toàn trường để công tác lấy ý kiến ngày càng đạt hiệu quả cao, góp phần vào việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Nhà trường. *He*

Nơi nhận: *dkc*

- Bộ GD&ĐT (đề b/c);
- BTV Đảng ủy, HĐ Trường (đề b/c);
- Các đơn vị trong Trường;
- CĐ trường; Đoàn ĐTN, HSV;
- Lưu HCTH, CTCT-HSSV;

He

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng



PHỤ LỤC 1

Tổng hợp ý kiến người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên học kì 1, năm học 2020 - 2021

(Kèm theo báo cáo số **07** /BC-ĐHV ngày **25** /2/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Đơn vị	Tổng số câu hỏi được trả lời	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG							
			Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)		Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)		Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)		Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	
			Số câu hỏi được trả lời	Tỷ lệ %	Số câu hỏi được trả lời	Tỷ lệ %	Số câu hỏi được trả lời	Tỷ lệ %	Số câu hỏi được trả lời	Tỷ lệ %
1	Khoa Giáo dục	60819	56036	92.1	3825	6.3	658	1.1	300	0.5
2	Khoa Giáo dục Quốc phòng	825	803	97.3	14	1.7	4	0.5	4	0.5
3	Khoa Giáo dục Thể chất	6400	5592	87.4	674	10.5	95	1.5	39	0.6
4	Khoa Kinh Tế	76142	65323	85.8	8785	11.5	1425	1.9	609	0.8
5	Khoa Luật	24296	21713	89.4	1949	8.0	425	1.7	209	0.9
6	Khoa Sư phạm Ngoại Ngữ	46001	40499	88.0	4462	9.7	725	1.6	315	0.7
7	Khoa Xây dựng	18515	16467	88.9	1559	8.4	324	1.7	165	0.9
8	Nhà xuất bản Đại học Vinh	264	253	95.8	8	3.0	2	0.8	1	0.4
9	Phòng Đào tạo Sau Đại học	88	87	98.9	0	0.0	0	0.0	1	1.1
10	Phòng Thanh tra - Pháp chế	154	154	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
11	Trung tâm Công nghệ thông tin	242	197	81.4	32	13.2	13	5.4	0	0.0
12	Viện Hóa sinh - Môi trường	6015	5498	91.4	357	5.9	94	1.6	66	1.1
13	Viện Khoa học xã hội và nhân văn	37289	31872	85.5	4263	11.4	858	2.3	296	0.8
14	Viện Kỹ thuật và Công nghệ	40528	35073	86.5	4311	10.6	818	2.0	326	0.8
15	Viện Nông nghiệp và Tài nguyên	3813	3320	87.1	361	9.5	95	2.5	37	1.0
16	Viện Sư phạm Tự nhiên	40225	34647	86.1	4371	10.9	909	2.3	298	0.7
17	Viện Sư phạm Xã hội	26582	23229	87.4	2516	9.5	530	2.0	307	1.2
TỔNG		388198	340763	87.8	37487	9.7	6975	1.8	2973	0.8

Handwritten signature



PHỤ LỤC 2
THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kì 1, năm học 2020 - 2021

(Kèm theo báo cáo số **07** /BC-ĐHV ngày **15** /2/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	Tiêu chí	Số phiếu	Tỷ lệ %
A	I. Cơ sở vật chất của Nhà trường		
1	Hệ thống phòng học và trang thiết bị các phòng học đảm bảo điều kiện học tập, rèn luyện, sinh hoạt của người học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6442	84
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	920	12
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	218	2.9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	68	0.9
e	Chưa tiếp xúc	22	0.3
TỔNG		7670	
2	Nhà thi đấu TĐTT, sân bóng và các khu vực luyện tập, sinh hoạt chung đáp ứng điều kiện học tập, rèn luyện		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6264	81.7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1006	13.1
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	230	3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	71	0.9
e	Chưa tiếp xúc	99	1.3
TỔNG		7670	100
3	Hệ thống vệ sinh công cộng của Nhà trường		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6380	83.2
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	936	12.2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	246	3.2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	74	1
e	Chưa tiếp xúc	34	0.5
TỔNG		7670	100

4	Hệ thống điện, nước của Nhà trường đảm bảo an toàn và đáp ứng nhu cầu của người học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6302	82.2
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	990	12.9
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	261	3.4
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	85	1.1
e	Chưa tiếp xúc	32	0.4
TỔNG		7670	100
B	II. Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào		
1	Cơ sở dữ liệu, nguồn tài liệu đáp ứng nhu cầu của người học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6308	82.3
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1052	13.7
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	191	2.5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	74	1
e	Chưa tiếp xúc	45	0.6
TỔNG		7670	100
2	Trang thiết bị các phòng đọc, thiết bị hỗ trợ người học trong việc tìm kiếm các tài liệu thông tin cần thiết		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6249	81.5
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	982	12.8
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	277	3.6
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	93	1.2
e	Chưa tiếp xúc	69	0.9
TỔNG		7670	100
3	Thái độ phục vụ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ thư viện đối với bạn đọc		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6258	81.6
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	967	12.6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	280	3.7
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	81	1.1
e	Chưa tiếp xúc	84	1.1
TỔNG		7670	100
C	III. Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm		
1	Trang thiết bị các phòng thực hành - thí nghiệm của Nhà trường đáp ứng đủ điều kiện thực hành, thí nghiệm của người học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6117	79.8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	942	12.3

c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	273	3.6
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	84	1.1
e	Chưa tiếp xúc	254	3.3
TỔNG		7670	100
2	Các thiết bị thực hành - thí nghiệm đều hoạt động tốt và cho kết quả đúng với lý thuyết		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6063	79.1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	955	12.5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	293	3.8
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	91	1.2
e	Chưa tiếp xúc	268	3.5
TỔNG		7670	100.1
3	Thái độ phục vụ của Kỹ thuật viên, giáo viên hướng dẫn thực hành thí nghiệm		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6183	80.6
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	946	12.3
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	205	2.7
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	79	1
e	Chưa tiếp xúc	257	3.4
TỔNG		7670	100
D	IV. Các hoạt động khác		
1	Công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh, quy trình nhập học, hướng dẫn nhập học cho tân sinh viên của Nhà trường		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6264	81.7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	938	12.2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	313	4.1
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	92	1.2
e	Chưa tiếp xúc	63	0.8
TỔNG		7670	100
2	Việc cập nhật, công bố thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của Nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch đối với người học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6219	81.1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1018	13.3
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	290	3.8
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	86	1.1
e	Chưa tiếp xúc	57	0.8

TỔNG		7670	100
3	Việc công khai lộ trình học tập, chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học của Nhà trường		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6214	81
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	993	13
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	307	4
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	94	1.2
e	Chưa tiếp xúc	62	0.8
TỔNG		7670	100
4	Các chương trình, chính sách hỗ trợ, tư vấn cho người học nói chung và người học gặp những vấn đề khó khăn trong quá trình học tập của Nhà trường		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6214	81
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1028	13.4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	264	3.5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	96	1.3
e	Chưa tiếp xúc	68	0.9
TỔNG		7670	100.1
5	Công tác tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - Học sinh, sinh viên” của Nhà trường		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6291	82
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1018	13.3
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	233	3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	87	1.1
e	Chưa tiếp xúc	41	0.5
TỔNG		7670	100
6	Việc tổ chức “Ngày hội việc làm”, cung cấp các thông tin nghề nghiệp và việc làm của Nhà trường đối với người học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6108	79.6
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	997	13
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	301	3.9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	106	1.4
e	Chưa tiếp xúc	158	2.1
TỔNG		7670	100
7	Việc quy định đánh giá kết quả học tập và việc đánh giá, công nhận kết quả học tập đối với người học của Nhà trường		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6179	80.6

b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1029	13.4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	289	3.8
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	109	1.4
e	Chưa tiếp xúc	64	0.8
TỔNG		7670	100
8	Việc công nhận kết quả học tập của Nhà trường phản ánh được năng lực của người học trong chương trình đào tạo		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6195	80.8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1028	13.4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	281	3.7
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	101	1.3
e	Chưa tiếp xúc	65	0.9
TỔNG		7670	100
9	Việc tổ chức các hoạt động Văn hoá văn nghệ - Thể dục thể thao đáp ứng được yêu cầu của người học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6190	80.7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1020	13.3
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	287	3.8
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	98	1.3
e	Chưa tiếp xúc	75	1
TỔNG		7670	100
10	Các chương trình ngoại khoá của Nhà trường được tổ chức đa dạng, phong phú, phù hợp, đáp ứng được yêu cầu của người học và hỗ trợ người học rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình học tập (Chẳng hạn: rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, cuộc thi, hội thi; các câu lạc bộ đội, nhóm...)		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6248	81.5
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1041	13.6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	221	2.9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	96	1.3
e	Chưa tiếp xúc	64	0.8
TỔNG		7670	100
E	V. Các đơn vị hành chính, bộ phận và đoàn thể (thời gian, quy trình xử lý công việc; tinh thần, thái độ làm việc, phục vụ của cán bộ, viên chức...)		
Nhóm 1: Bắt buộc người học cho ý kiến			
1	Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên		

a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6221	81.1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	945	12.3
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	280	3.7
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	87	1.1
e	Chưa tiếp xúc	137	1.8
TỔNG		7670	100
2	Phòng Đào tạo		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6098	79.5
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	959	12.5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	339	4.4
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	116	1.5
e	Chưa tiếp xúc	158	2.1
TỔNG		7670	100
3	Bộ phận một cửa		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6098	79.5
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	959	12.5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	339	4.4
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	116	1.5
e	Chưa tiếp xúc	158	2.1
TỔNG		7670	100
4	Phòng Kế hoạch - Tài chính		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6011	78.4
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	963	12.6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	321	4.2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	103	1.4
e	Chưa tiếp xúc	272	3.6
TỔNG		7670	100
5	Phòng Thanh tra - Pháp chế		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6038	78.7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	935	12.2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	221	2.9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	88	1.2
e	Chưa tiếp xúc	388	5.1

TỔNG		7670	100
6	Phòng Quản trị và Đầu tư		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	5968	77.8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	904	11.8
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	281	3.7
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	90	1.2
e	Chưa tiếp xúc	427	5.6
TỔNG		7670	100.1
7	Trung tâm Công nghệ Thông tin		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	5935	77.4
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	933	12.2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	354	4.6
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	119	1.6
e	Chưa tiếp xúc	329	4.3
TỔNG		7670	100
8	Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	5961	77.7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	949	12.4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	325	4.2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	97	1.3
e	Chưa tiếp xúc	338	4.4
TỔNG		7670	100
9	Trung tâm Đảm bảo chất lượng		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6049	78.9
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	967	12.6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	282	3.7
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	89	1.2
e	Chưa tiếp xúc	283	3.7
TỔNG		7670	100
10	Đoàn Thanh niên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6189	80.7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1015	13.2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	229	3

d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	103	1.4
e	Chưa tiếp xúc	134	1.8
TỔNG		7670	100.1
11	Hội Sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6116	79.7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	958	12.5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	332	4.3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	113	1.5
e	Chưa tiếp xúc	151	2
TỔNG		7670	100
12	Nhà xe sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	5515	71.9
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1200	15.7
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	550	7.2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	268	3.5
e	Chưa tiếp xúc	137	1.8
TỔNG		7670	100
13	Bộ phận vệ sĩ		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	5883	76.7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	995	13
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	301	3.9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	113	1.5
e	Chưa tiếp xúc	378	4.9
TỔNG		7670	100
Nhóm 2: Chỉ dành cho người học có tiếp xúc			
14	Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	5909	77.1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	936	12.2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	280	3.7
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	79	1
e	Chưa tiếp xúc	466	6.1
TỔNG		7670	100
15	Phòng Hành chính Tổng hợp		

a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	5990	78.1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	949	12.4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	207	2.7
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	89	1.2
e	Chưa tiếp xúc	435	5.7
TỔNG		7670	100.1
16	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Vinh		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6161	80.3
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	989	12.9
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	297	3.9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	92	1.2
e	Chưa tiếp xúc	131	1.7
TỔNG		7670	100
17	Trung tâm Nội trú		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	5762	75.1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	959	12.5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	334	4.4
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	98	1.3
e	Chưa tiếp xúc	517	6.8
TỔNG		7670	100
18	Trạm Y tế		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	5826	76
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1032	13.5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	363	4.7
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	112	1.5
e	Chưa tiếp xúc	337	4.4
TỔNG		7670	100
19	Ban Quản lý Cơ sở 2		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	5860	76.4
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	991	12.9
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	347	4.5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	97	1.3
e	Chưa tiếp xúc	375	4.9

TỔNG		7670	100
20	Nhà ăn và các dịch vụ khác		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	5811	75.8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1087	14.2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	280	3.7
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	124	1.6
e	Chưa tiếp xúc	368	4.8
TỔNG		7670	100



PHỤ LỤC 3

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN, NHẬN XÉT BỔ SUNG

Lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kỳ 1, năm học 2020 - 2021

(Kèm theo báo cáo số 07 /BC-DHV ngày 25 /2/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	Đơn vị	Số ý kiến	Ghi chú
1	Khoa, viện	6	
2	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	10	
3	Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên	2	
4	Phòng Đào tạo	6	
5	Phòng Kế hoạch - Tài chính	4	
6	Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế	2	
7	Phòng Quản trị và Đầu tư	20	
8	Trung tâm Công nghệ Thông tin	20	
9	Vệ sinh - Môi trường	10	
10	Nhà ăn và các dịch vụ khác	7	
11	Nhà xe sinh viên	21	
12	Trung tâm Đảm bảo Chất lượng	2	
13	Trung tâm Nội trú	6	
14	Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào	12	
15	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	2	
16	Trạm Y tế	5	
17	Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên	6	
18	Ban Quản lý Cơ sở 2	2	
19	Bộ phận một cửa	4	
20	Phòng Hành chính - Tổng hợp	8	
TỔNG		155	

(Nội dung chi tiết các ý kiến nhận xét, bổ sung Nhà trường sẽ gửi đến Trường các đơn vị liên quan).